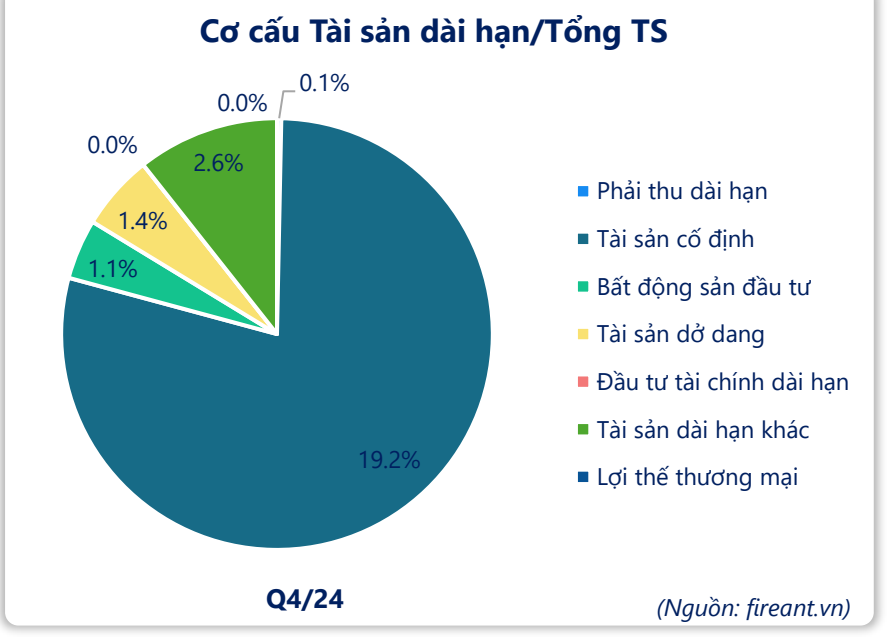
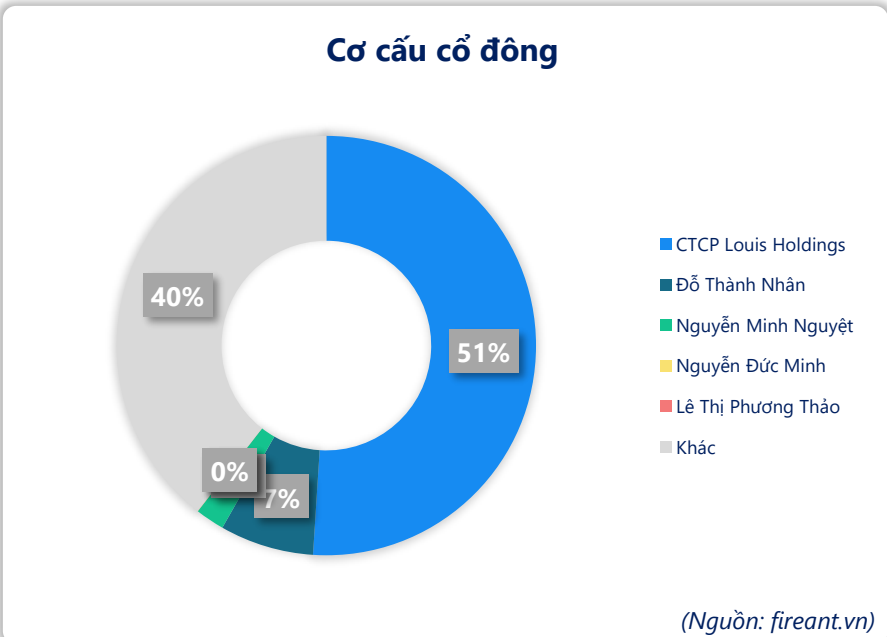
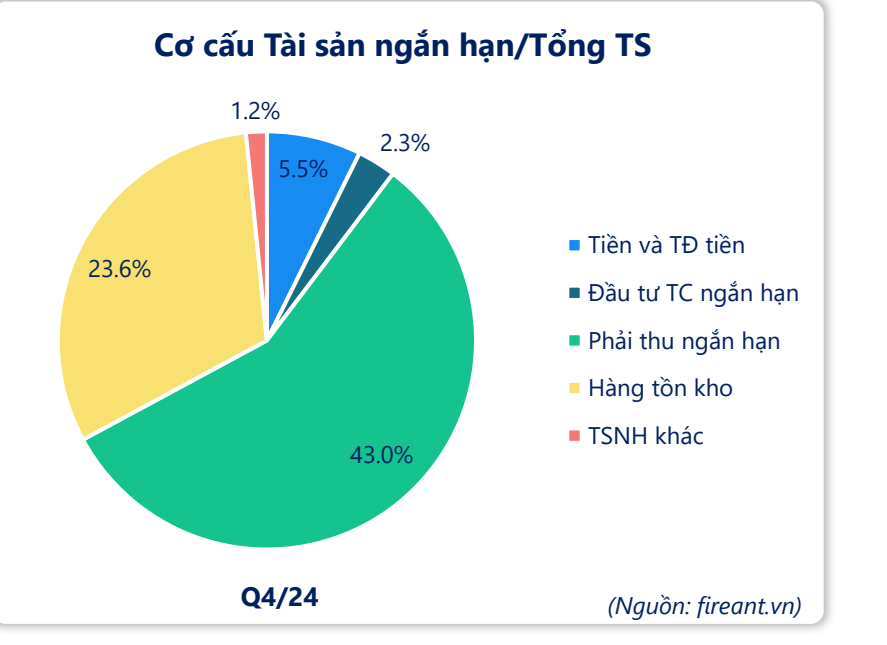
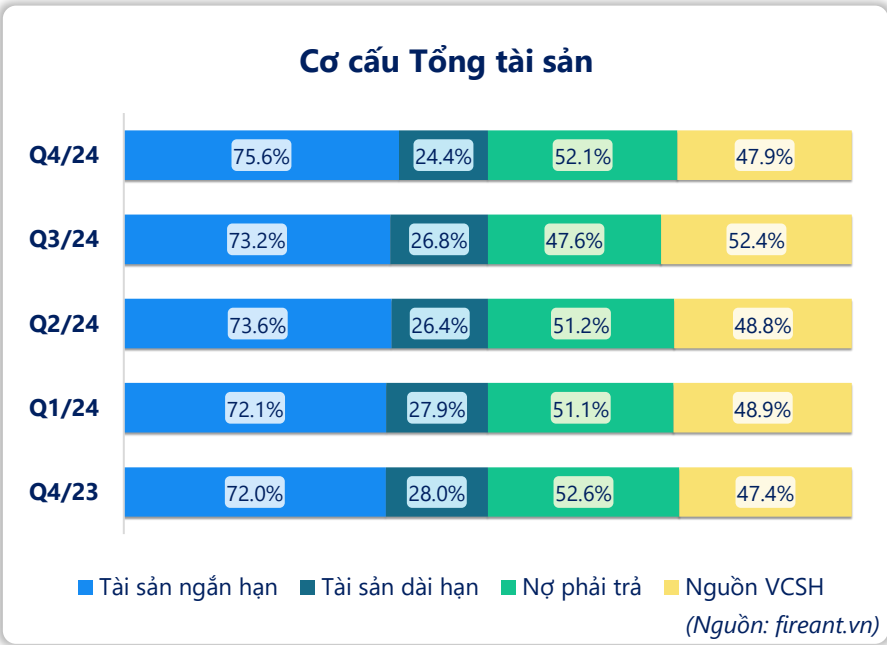
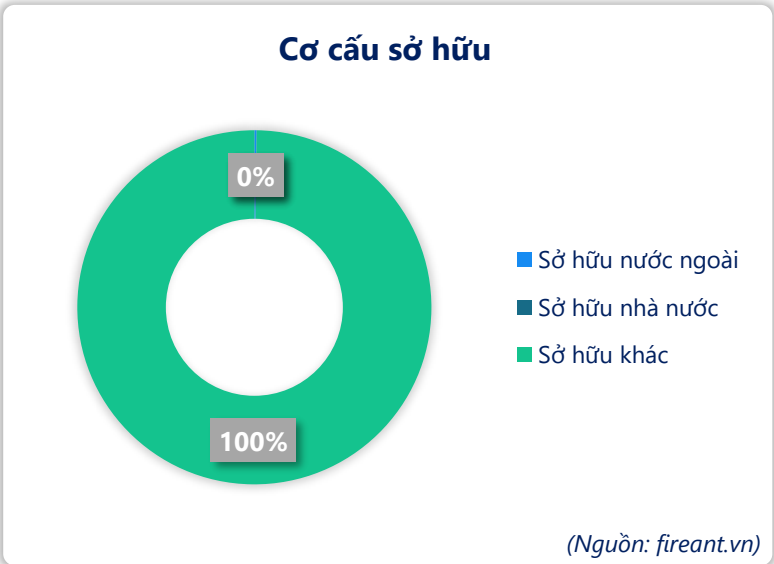
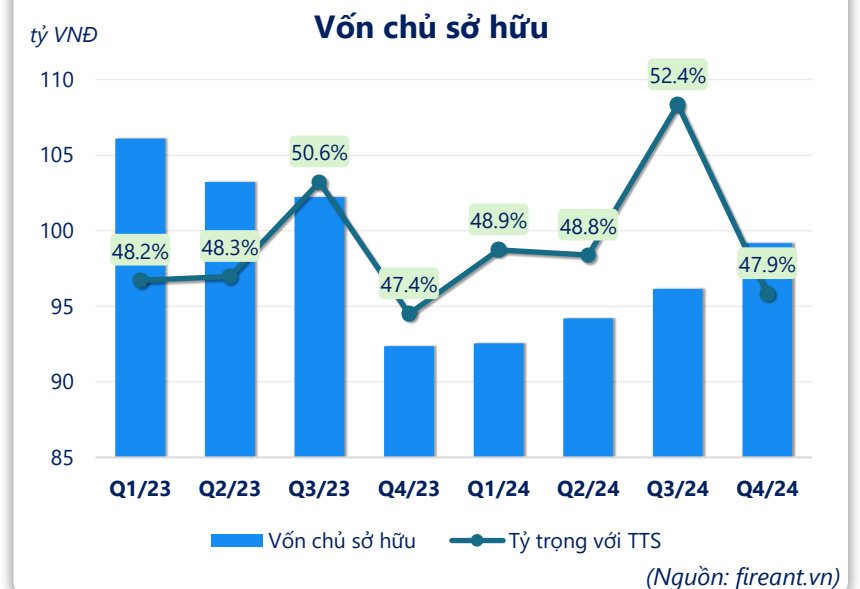
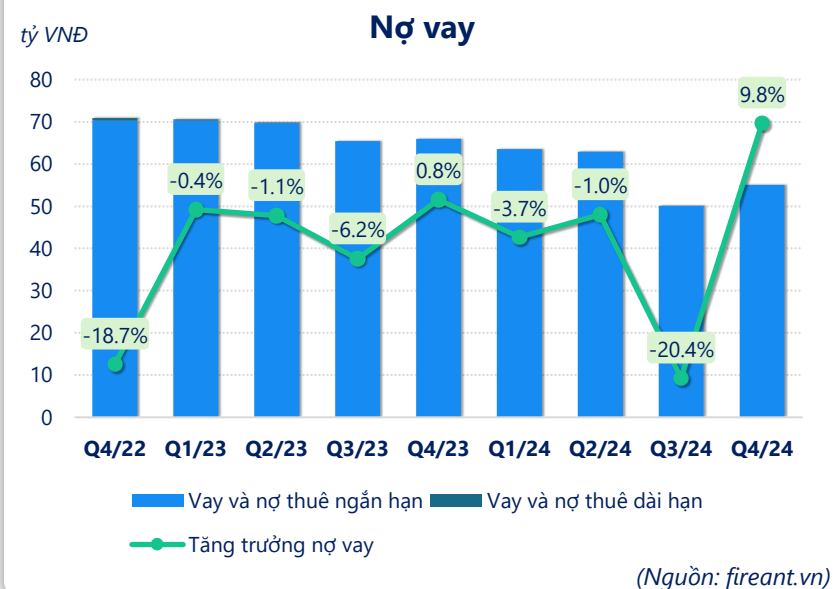
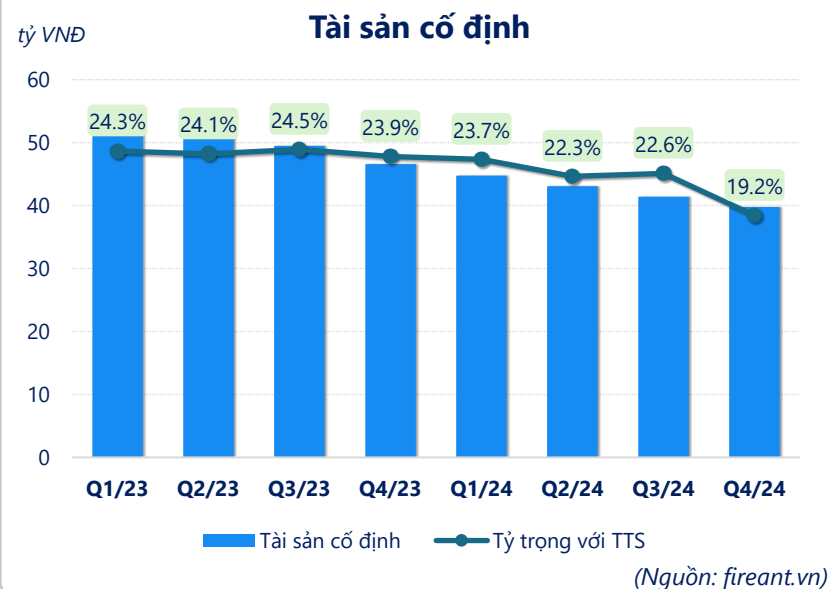
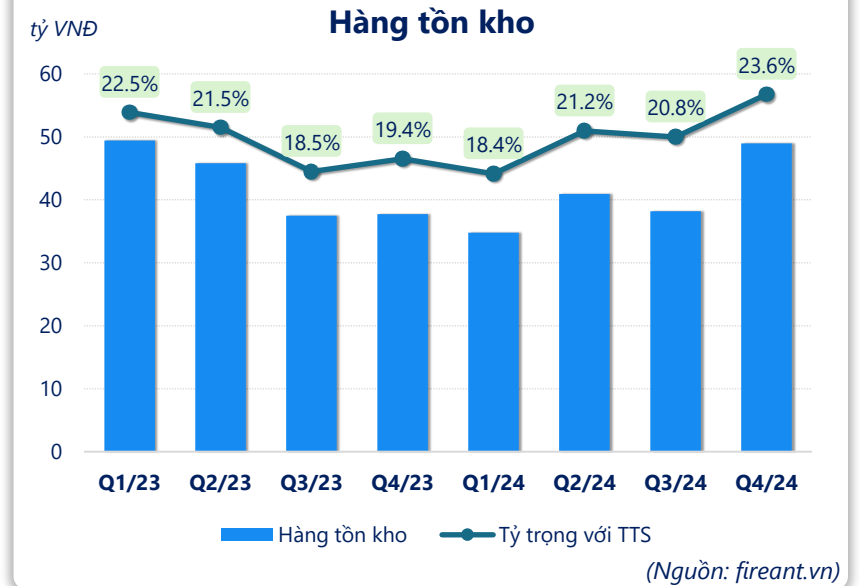
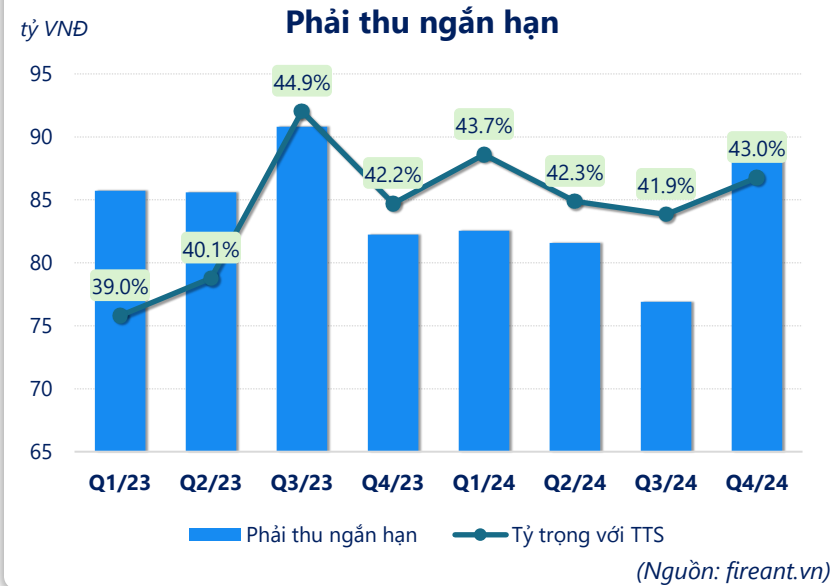
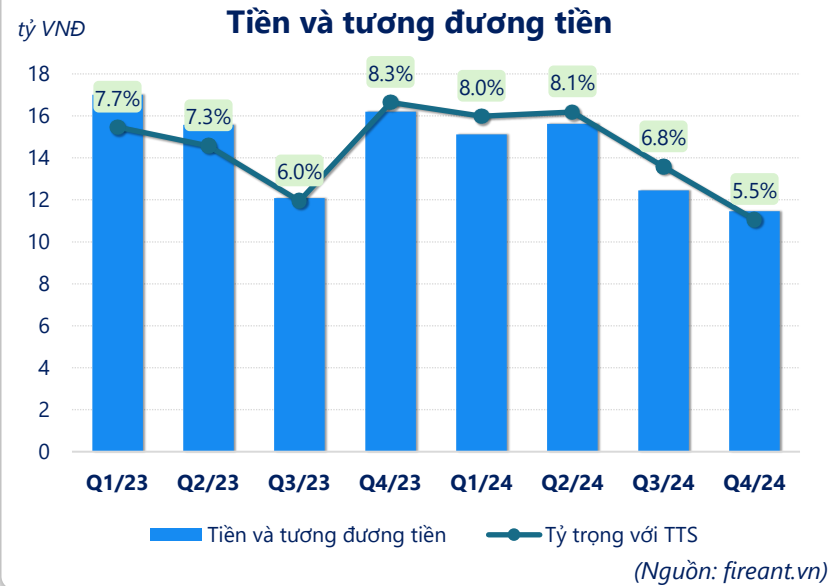
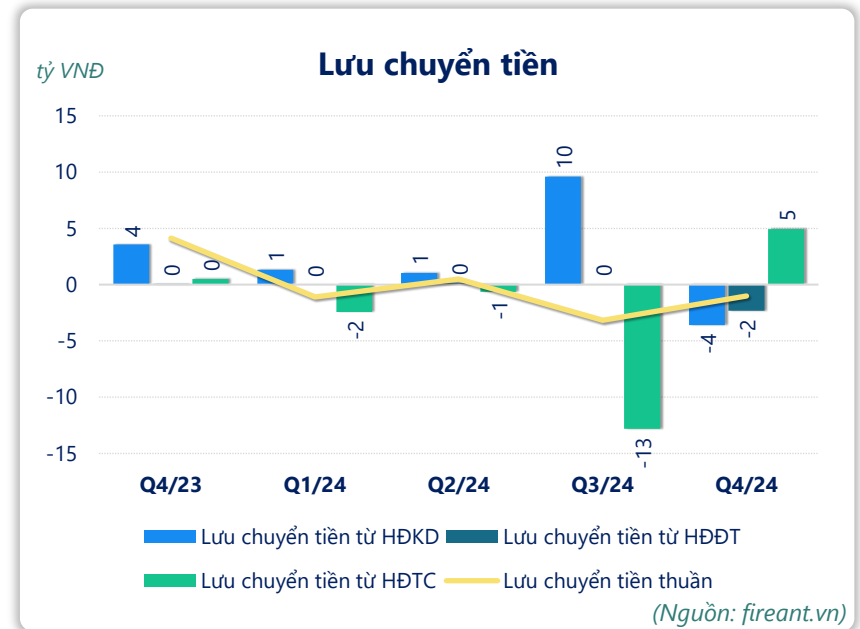
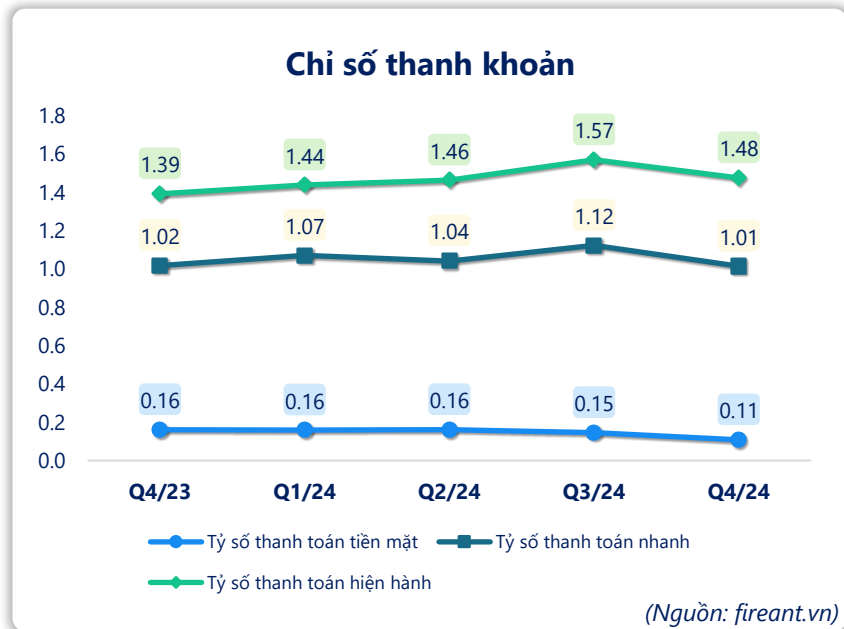
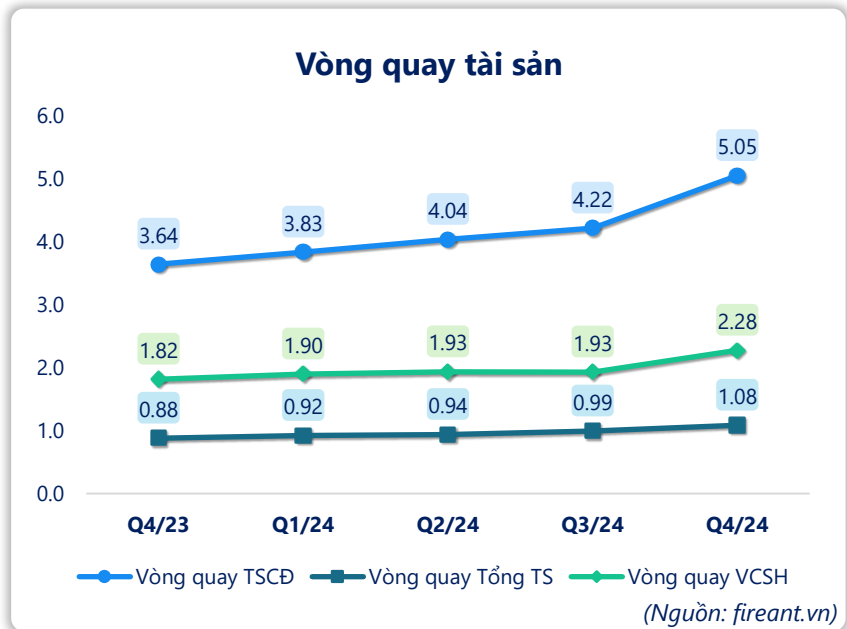
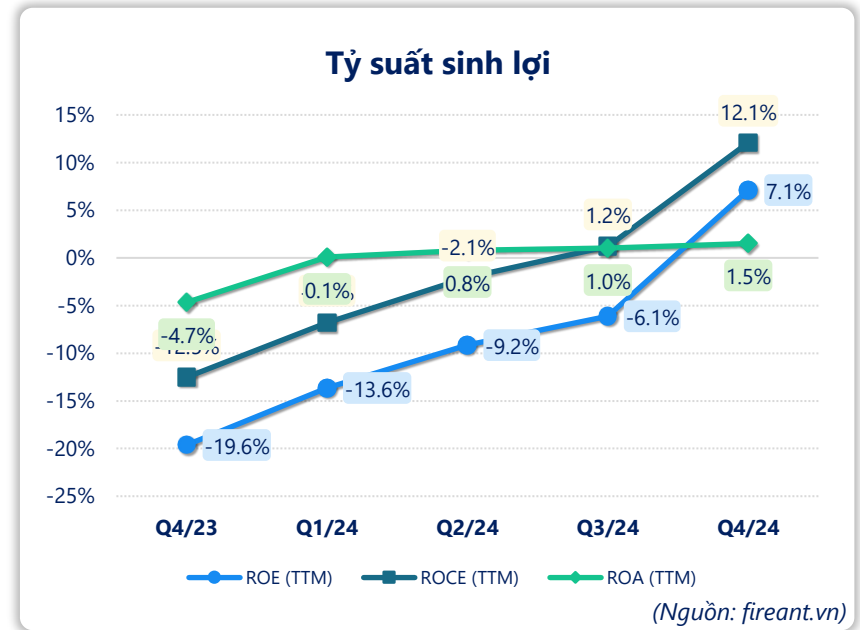
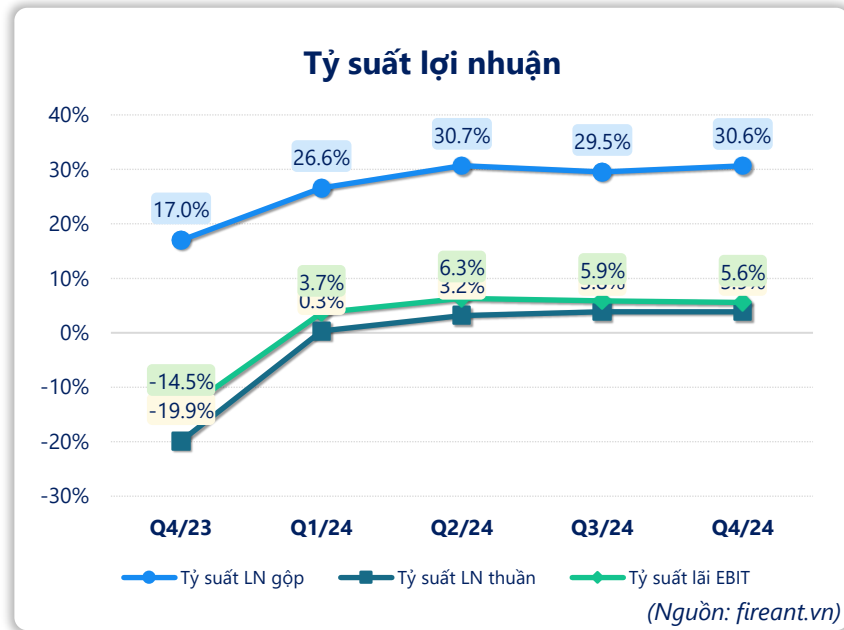
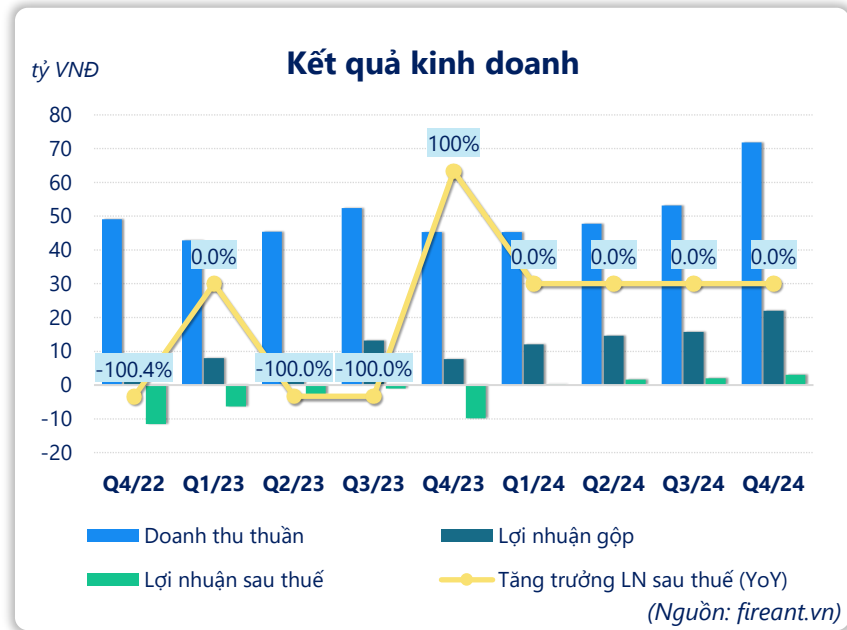


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,700
SL cổ phiếu LH		12,703,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)		80,435
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		130
P/E		19.0
EPS		536

	YTD	1T	3T	6T
LDP		2.0%	-38.2%	-46.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	207	195	6.3%
Tài sản ngắn hạn	157	140	11.9%
Tiền và tương đương tiền	11.5	16.2	-29.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.69	3.12	50.3%
Phải thu ngắn hạn	89.0	82.2	8.2%
Hàng tồn kho	49.0	37.8	29.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.52	0.67	278%
Tài sản dài hạn	50.4	54.8	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.16	0	
Tài sản cố định	39.8	46.6	-14.6%
Bất động sản đầu tư	2.27	2.37	-4.2%
Tài sản dở dang	2.85	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.37	5.85	-8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	102	5.3%
Nợ ngắn hạn	106	101	5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	66.0	-16.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.5	23.5	34.0%
Nợ dài hạn	1.77	1.72	2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	99.2	92.4	7.4%
Vốn chủ sở hữu	99.2	92.4	7.4%
Vốn điều lệ	127	127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	45.3	45.3	47.7	53.1	71.8
Giá vốn hàng bán	37.6	33.3	33.1	37.4	49.8
Lợi nhuận gộp	7.70	12.1	14.6	15.7	22.0
Doanh thu HĐTC	0.09	0.13	0.09	0.09	0.06
Chi phí TC	3.29	1.49	1.72	1.23	2.63
Chi phí lãi vay	3.29	1.49	1.37	1.15	0.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.87	6.75	5.78	7.97	10.4
Chi phí QLDN	6.64	3.78	5.72	4.54	6.25
LN thuần từ HĐKD	-9.00	0.15	1.50	2.04	2.76
Lợi nhuận khác	-0.86	0.03	0.14	-0.08	0.26
LN trước thuế	-9.86	0.18	1.65	1.96	3.02
Lợi nhuận sau thuế	-9.86	0.18	1.65	1.96	3.02
LNST của CĐ cty mẹ	-9.86	0.18	1.65	1.96	3.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.57	1.32	1.03	9.59	-3.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	0.01	0.12	0.05	-2.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.50	-2.42	-0.64	-12.8	4.93
Tiền đầu kỳ	14.1	16.2	15.1	15.6	12.5
Lưu chuyển tiền thuần	4.13	-1.10	0.51	-3.17	-1.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.2	15.1	15.6	12.5	11.5

(Nguồn: fireant.vn)